

Số: 274 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 13 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông
Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn
2013 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện
biến đổi khí hậu - nước biển dâng.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKH ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng;

- Căn cứ Công văn số 759/TCTL-QLNN ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Cục trưởng Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống lụt bão về việc góp ý dự thảo Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Căn cứ Công văn số 76/QHTLMN ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Viện

trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam về việc sự liên quan của quy hoạch đê sông tỉnh Trà Vinh với quy hoạch lũ đồng bằng sông Cửu Long;

Xét Tờ trình số 15/TTr-SNN ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng; Báo cáo số 16/BC-HĐTĐ ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng thẩm định các dự án quy hoạch ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh; Công văn số 37/SKHĐT-KT ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng, với những nội dung như sau:

1. Quan điểm phát triển:

1.1. Phát triển bền vững, đa mục tiêu và giảm nhẹ thiên tai:

- Phát triển hệ thống đê bao, bờ bao phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch thủy lợi và điều kiện tự nhiên, xã hội của tỉnh nhằm chủ động trong việc cung cấp và thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất cây trồng;

- Khai thác hợp lý thống nhất hệ thống công trình thủy lợi nhằm đảm bảo không chia cắt theo địa giới hành chính;

- Kết hợp chặt chẽ với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông nông thôn trên toàn tỉnh và từng địa phương;

- Khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, tái tạo các nguồn tài nguyên bằng biện pháp công trình và phi công trình theo hướng phát triển bền vững.

1.2. Góp phần xây dựng nông thôn mới:

- Tăng cường xã hội hóa về đầu tư và quản lý, sử dụng hệ thống đê bao, bờ bao kết hợp đường giao thông nhằm nâng cao trách nhiệm và quyền lợi của nhân dân trong vùng, đảm bảo sử dụng hiệu quả và lâu bền các công trình;

- Sử dụng khai thác đi đôi với việc bảo vệ tài sản, hoa màu của nhân dân nhằm góp phần cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu: Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu nhằm chủ động từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng, có kế hoạch thực hiện từng bước và khả năng thích ứng cao, giảm thiểu được kinh phí đầu tư, giải phóng mặt bằng, giải tỏa đền bù, bảo hành, bảo trì hệ thống, bổ sung các giải pháp thích hợp thân thiện với môi trường (tuyên, mặt cắt ngang, hành lang bảo vệ và các công trình phụ trợ đi kèm,...) làm cơ sở để tỉnh lập các dự án ưu tiên đầu tư phục vụ sản xuất trước mắt cũng

nhu đảm bảo an toàn lâu dài đến đời sống sinh hoạt của người dân, đáp ứng với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến 2020 và tầm nhìn 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng.

3. Nhiệm vụ: Trên cơ sở tài nguyên đất, nước và điều kiện phát triển kinh tế xã hội trong vùng, kết hợp phân tích đánh giá xu thế phát triển trên đồng bằng và lưu vực, xét đến các yếu tố ảnh hưởng do biến đổi khí hậu - nước biển dâng, tiến hành đánh giá hiện trạng đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu, đồng thời rà soát lại khả năng chống chịu của các công trình trên đê để từ đó đề xuất tuyến đê, quy mô, cao trình đê, mặt cắt ngang,... nhằm đáp ứng định hướng phát triển kinh tế của tỉnh;

- Nhiệm vụ trước mắt: Bảo vệ tài sản, hoa màu và cây ăn trái của khu vực dân cư ven sông Cổ Chiên và sông Hậu nhằm ổn định kinh tế theo định hướng phát triển của tỉnh đã đề ra;

- Nhiệm vụ lâu dài: Đáp ứng nhu cầu bảo vệ cho vùng hưởng lợi trực tiếp (nằm ngoài đê Nam Măng Thít) và khu vực hưởng lợi gián tiếp (khu vực trong phạm vi bảo vệ của đê Nam Măng Thít hiện hữu), đồng thời phù hợp với đề án nâng cấp hệ thống đê biển, quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng được Chính phủ phê duyệt.

4. Quy mô dự án:

4.1. Giai đoạn đến năm 2020:

Tổng vốn đầu tư: 247,192 tỷ đồng.

TT	Tên tuyến đê	Thông số kỹ thuật					Công trình dưới đê (cống Φ 60 - Φ 150)
		Chiều dài (km)	Bề rộng mặt (m)	Mái phía sông	Mái phía đồng	Cao trình	
A	KÈ						
	Huyện Trà Cú	5,63					
1	Kè bảo vệ bờ Đông sông Chợ Mới - thị trấn Trà Cú	3,16	-	-	-	+3,65	
2	Kè bảo vệ bờ Tây sông Chợ Mới - thị trấn Trà Cú	2,47	-	-	-	+3,65	
B	ĐÈ BAO, BỜ BAO	21,34					
	Huyện Càng Long						
1	Bờ bao áp Mỹ Hiệp A	2,49	3,50	2,00	2,00	+3,00	8
2	Bờ bao áp Đại Đức	1,76	3,50	2,00	2,00	+3,00	11
	Huyện Trà Cú						
3	Đê bao Bắc rạch Trà Cú	11,87	3,50	2,00	2,00	+3,00	24
	Huyện Châu Thành						
4	Bờ bao Bà Trâm	5,22	3,50	2,00	2,00	+3,00	9
	Tổng	26,97					

4.2. Giai đoạn sau năm 2020:
 Tổng vốn đầu tư 148,939 tỷ đồng.

TT	Tên tuyến đê	Thông số kỹ thuật					Công trình dưới đê (cống Φ60 - Φ150)
		Chiều dài (km)	Bề rộng mặt (m)	Mái phía sông	Mái phía đồng	Cao trình	
Huyện Trà Cú							
1	Đê bao Bắc rạch Trà Cú	11,87	3,50	2,00	2,00	+3,65	-
2	Đê sông Hậu - Trẹm	1,98	7,50	2,00	2,00	+3,65	-
Huyện Cầu Ngang							
3	Bờ bao áp Rẫy - Thôn Rôn	3,73	3,50	2,00	2,00	+3,00	7
4	Bờ bao cống Vĩnh Bình - ấp Rẫy	5,25	3,50	2,00	2,00	+3,00	9
Huyện Tiểu Cần							
5	Đê bao thị trấn Cầu Quan	4,13	3,50	2,00	2,00	+3,65	15
6	Bờ bao Mũi Tàu	2,51	3,50	2,00	2,00	+3,65	6
7	Đê bao xã Tân Hòa:	7,79	-	-	-	-	-
7.1	Đoạn không trùng với Tỉnh lộ 915	4,69	3,50	2,00	2,00	+3,65	6
7.2	Đoạn nâng cấp từ tuyến giao thông hiện hữu (Tỉnh lộ 915)	3,10	7,50	2,00	2,00	+3,65	-
Huyện Châu Thành							
8	Bờ bao Vang Nhất	5,42	3,50	2,00	2,00	+3,00	12
Huyện Cầu Kè							
9	Đê bao ven sông Hậu - huyện Cầu Kè (Đê bao Ninh Thới - Hòa Tân - An Phú Tân)	21,87	3,50	2,00	2,00	+3,65	-
Tổng cộng đê bao, bờ bao		64,55					

5. Phân kỳ và dự án ưu tiên đầu tư:
 Tổng mức đầu tư: 396,131 tỷ đồng.

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	
			Đến 2020	Sau 2020
A	KÈ			
Huyện Trà Cú				
1	Kè bảo vệ bờ Đông sông Chợ Mới - thị trấn Trà Cú	79,774	79,774	-
2	Kè bảo vệ bờ Tây sông Chợ Mới - thị trấn Trà Cú	62,355	62,355	-
B	ĐÊ BAO VÀ BỜ BAO			
I	Huyện Cầu Ngang			

1	Đê bao ấp Rẫy - Thôn Rôn	14,896	-	14,896
2	Bờ bao công Vĩnh Bình - ấp Rẫy	20,885	-	20,885
II	Huyện Càng Long			
1	Bờ bao ấp Mỹ Hiệp A	13,605	13,605	-
2	Bờ bao ấp Đại Đức	10,123	10,123	-
III	Huyện Châu Thành			
1	Bờ bao ấp Vang Nhất	24,550	-	24,550
2	Bờ bao Bà Trâm	27,786	27,786	-
IV	Huyện Trà Cú			
1	Đê bao Bắc rạch Trà Cú	63,985	53,549	10,436
2	Đê sông Hậu - Trẹm	1,741	-	1,741
V	Huyện Tiểu Cần			
1	Đê bao ven sông Hậu, gồm:			
	Đê bao xã Tân Hòa	23,349	-	23,349
	Đê bao thị trấn Cầu Quan	21,240	-	21,240
2	Bờ bao Mũi Tàu	12,614	-	12,614
VI	Huyện Cầu Kè			
1	Đê bao ven sông Hậu - huyện Cầu Kè (Đê bao Ninh Thới - Hòa Tân - An Phú Tân)	19,228		19,228
Cộng		396,131	247,192	148,939

6. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

6.1. Giải pháp về vốn:

- Ưu tiên phát triển theo cơ chế đặc thù cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo quy định tại Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Huy động nhiều nguồn vốn bao gồm: Ngân sách tập trung, vốn để lại, các chương trình mục tiêu,...;

- Huy động tối đa các nguồn vốn từ ngân sách, nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương thông qua các Chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ, triển khai và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách theo Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Khai thác các nguồn vốn hỗ trợ khác thông qua các chương trình như: Thích ứng với biến đổi khí hậu, dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long,...;

- Thực hành tiết kiệm có hiệu quả, ban hành chính sách đầu tư phát triển cho nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương hội nghị lần thứ 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn và Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ.

6.2. Giải pháp về chính sách:

- Phổ biến công khai quy hoạch đến các Sở, Ban, ngành tỉnh, các địa phương, các tổ chức có liên quan và toàn dân biết và thực hiện;

- Quy hoạch gắn với đầu tư, trước hết chọn đầu tư các dự án ưu tiên cho giảm thiểu tác động tiêu cực. Đầu tư đồng bộ, toàn diện, dứt điểm nhằm phát

huy nhanh hiệu quả đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức công bố, thông báo công khai rộng rãi nội dung quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để công dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, khai thác;

- Theo dõi, giám sát và đề xuất, bổ sung để đảm bảo việc triển khai quy hoạch có hiệu quả;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện quy hoạch các dự án đầu tư theo danh mục đã được phê duyệt.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt, bố trí và cân đối vốn đầu tư theo phân cấp để thực hiện quy hoạch trên địa bàn theo quy định bảo đảm đạt hiệu quả.

3. Các Sở, Ban ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Thủ trưởng cơ quan các cấp có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Kho bạc Nhà nước TV;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC: KTTH, NN;
- Lưu: VT, KTKT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong